

Số: 91/2025/QĐST-HNGĐ

Càng Long, ngày 01 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 431/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc Quỳnh N, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp Số 5, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Như: ông Phạm Minh L, sinh năm 1993. Địa chỉ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp Số 5, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Phạm Minh L đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Ngọc Quỳnh N và ông Đặng Minh T thống nhất tự nguyện thỏa thuận:

Ông Đặng Minh T trả cho bà Lê Ngọc Quỳnh N số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng), đây là số tiền chia giá trị tài sản giữa ông Đặng Minh T với bà Lê Ngọc Quỳnh N.

Bà Lê Ngọc Quỳnh N được quản lý, sử dụng xe gắn máy hiệu Future, biển số xe 84 L1 - 10665.

Ông Đặng Minh T được quản lý, sử dụng toàn bộ các tài sản được ông T, bà N thống nhất thỏa thuận gồm:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 403, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.209,1 m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Số 5, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trên thửa đất này có căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 103,62 m², có kết cấu nền gạch bông, khung bê tông cốt thép, tường gạch mái tolt, trần prima, cửa đi gỗ, cửa sổ nhôm cùng các công trình phụ trợ và 17 cây dừa từ 8 đến 12 tuổi.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1024, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.017 m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Số 5, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh trên thửa đất này có 76 cây dừa từ 8 đến 12 tuổi.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 411, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.210,9 m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Số 5, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh trên thửa đất này có 50 cây dừa từ 8 đến 12 tuổi

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1249, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.211 m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Số 5, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh trên thửa đất này có 50 cây dừa từ 8 đến 12 tuổi.

- 01 (một) bộ Bàn ghế cắm xe được mua năm 2018, 01 (một) bộ tủ ly được mua năm 2018.

(Kèm theo kết quả khảo sát, đo đạc số 385/CNHCL, ngày 19/8/2024 và sơ đồ khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C cung cấp).

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai để chỉnh lý biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

- **Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:** Số tiền 12.500.000 đồng, hai bên tự nguyện thỏa thuận: mỗi bên phải nộp 50%, cho nên bà N phải nộp 6.250.000 đồng, ông T phải nộp 6.250.000 đồng. Do bà N đã nộp tạm ứng trước chi phí thẩm định, định giá tài sản nên ông T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà N số tiền 6.250.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- **Về thời gian trả:** Hai bên tự nguyện thỏa thuận thời gian trả do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Tổng giá trị tài sản chung của ông T, bà N được Hội đồng định giá đã định là 1.458.000.000 đồng (trong đó phần bà N được chia giá trị tài sản là 458.000.000 đồng). Hai bên tự nguyện thỏa thuận: Bà Lê Ngọc Quỳnh N phải chịu 11.160.000 đồng. Ông Đặng Minh Triều phải chịu án phí 21.000.000 đồng

Số tiền tạm ứng án phí 13.400.000 đồng, bà Lê Ngọc Quỳnh N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019612 ngày 10/11/2013 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện

C thu được căn trừ tiền án phí mà bà N phải nộp. Bà N được nhận lại tiền tạm ứng án phí chênh lệch 2.240.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Huỳnh Sa Rên